

ĐỜI SỐNG – TƯ LIỆU KHOA HỌC

Hội thảo: Giảm nghèo và Phát triển con người ở Việt Nam: báo cáo cập nhật

Ngày 29 tháng 6 năm 2006, Hội thảo “*Giảm nghèo và Phát triển con người ở Việt Nam: báo cáo cập nhật*” do uỷ ban Phát triển của Liên Hợp Quốc, Viện KHXH Việt Nam và Ngân hàng Thế giới phối hợp tổ chức đã diễn ra tại Hà Nội.

Đến dự Hội thảo có đại diện của Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, uỷ ban Dân tộc, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Đại học Kinh tế Huế, Đại học Thái Nguyên, Đại học Vinh, các sở, ngành địa phương như Cao Bằng, Sơn La, Lạng Sơn, Hà Giang..., lãnh đạo các đơn vị trong Viện KHXH Việt Nam và những người quan tâm. Đây là hội thảo tham vấn lấy ý kiến đóng góp cho bản báo cáo lần thứ ba sau hai lần tổ chức ở Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh hồi đầu năm.

Nội dung Hội thảo gồm hai phần. Phần một nghe và thảo luận báo cáo “*Nghèo và Giảm nghèo ở Việt Nam giai đoạn 1993-2004*”. Phần hai, nghe và thảo luận báo cáo “*Phát triển con người ở Việt Nam 1999-2004: có thể thấy gì qua số liệu?*”.

Thay mặt nhóm soạn thảo, TS. Nguyễn Thắng (Trung tâm Phân tích và Dự báo (CaF) - Viện KHXH Việt Nam trình bày báo cáo “*Nghèo và Giảm nghèo ở Việt Nam giai đoạn 1993-2004*”. Các đại biểu thảo luận sôi nổi và đưa ra được nhiều ý kiến xác đáng, quan trọng. Theo PGS., TS. Mai Văn Xuân (Đại học Kinh tế Huế), báo cáo khá rõ nét với những số liệu có tính thuyết phục cao, nêu lên một bức tranh giảm nghèo theo thời gian, đồng thời đưa ra được một số những cảnh báo. Tuy nhiên, đây là báo cáo đầu tiên do phía Việt Nam đảm nhận trách nhiệm chính (các báo cáo trước đều do Ngân hàng Thế giới thực hiện) nên không tránh khỏi những hạn chế: ngôn ngữ báo cáo mang tính học thuật cao, tài liệu tham

khảo chủ yếu là nước ngoài vì vậy việc phổ biến rộng rãi xuống từng địa phương sẽ gặp khó khăn. Nhiều đại biểu cho rằng, báo cáo còn thiếu những lý giải, phân tích đối với từng số liệu, thiếu những kết luận cụ thể về nhóm nghèo thuộc dân tộc thiểu số và chưa đưa ra được những giải pháp giảm nghèo hữu hiệu đối với khu vực này. Một số khác cho rằng, báo cáo chưa tính đến mặt trái khi lấy chỉ số mua sắm để khảo sát, theo họ cần bổ sung thêm các chỉ số khác cho điều tra giáo dục, y tế... Theo ông Triệu Sơn Lầy (Ban Dân tộc - Lạng Sơn), hiện tại các biện pháp giảm nghèo chỉ là giải pháp tình thế. Chính sách giảm nghèo mới chỉ dừng lại ở xã, ở miền núi có nhiều thôn còn nghèo 100%, cần tăng cường những giải pháp mang tính chiến lược, bền vững. Nâng cao năng lực cộng đồng, trong đó giáo dục - đào tạo được xem là chìa khoá chính trong quá trình giảm nghèo, cần được quan tâm hợp lý. Đặc biệt, nguy cơ tái nghèo là một thách thức rất lớn của quá trình giảm nghèo ở Việt Nam, báo cáo cần phân tích được sự biến động này để có những định hướng cụ thể trong giai đoạn tiếp theo. Cuối cùng các đại biểu đều nhất trí báo cáo cần nghiên cứu thêm về tác động của việc gia nhập WTO lên người nghèo, đặc biệt đối với vùng dân tộc thiểu số, để đưa ra được những dự báo cụ thể qua những số liệu tính toán chi tiết, tạo được tính chủ động trong quá trình hội nhập.

Thay mặt nhóm soạn thảo, TS. Võ Trí Thành (Viện Quản lý Kinh tế Trung ương - Bộ Kế hoạch - Đầu tư) trình bày báo cáo “*Phát triển con người ở Việt Nam 1999-2004: có thể thấy gì qua số liệu?*”. Bản báo cáo này được xem là một phần trong báo cáo đầy đủ với chủ đề: Phát triển con người Việt Nam và hội nhập kinh tế quốc tế, sẽ được hoàn chỉnh trong thời gian tiếp theo.

Để cung cấp một bức tranh toàn cảnh về phát triển con người Việt Nam trong giai

đoạn 1999-2004, báo cáo (gồm ba phần) đã trình bày một số thay đổi và xu hướng chính qua so sánh các chỉ số phát triển con người, bao gồm Chỉ số Phát triển con người (HDI), và Chỉ số nghèo khổ tổng hợp (HPI), một số khía cạnh của Chỉ số phát triển giới (GDI) như chênh lệch tỉ lệ nhập học giữa nam và nữ trong năm 2004 và 1999. Phần một tập trung phân tích chỉ số HDI và HPI ở cấp quốc gia với một số so sánh về quá trình thực hiện ở Việt Nam với một số quốc gia khác ở Đông Nam Á và châu Á. Phần hai so sánh thành tựu và vấn đề trong phát triển con người ở các tỉnh qua nhiều tiêu chí khác nhau, từ đó rút ra một số nhận xét về mối quan hệ giữa các chỉ số. Phần ba, tóm tắt lại những kết quả chính và xác định những vấn đề lớn cần giải thích trong Báo cáo Phát triển con người đầy đủ.

Là báo cáo dự thảo, nhưng theo các đại biểu, bản báo cáo này đã kế thừa được những thành tựu to lớn của Báo cáo Phát triển con người năm 2001, bảo đảm được tính khoa học trong các số liệu, chỉ tiêu. Tuy nhiên, theo PGS., TS. Lê Bộ Lĩnh (Viện Nghiên cứu Đông Nam Á- Viện KHXH Việt Nam) việc phân tích những yếu tố tác động đến phát triển con người, lý giải cho các số liệu còn thiếu. Cần phân tích thêm việc đánh giá sự chỉ tiêu của các gia đình cho giáo dục. PGS., TS. Trần Đình Thiên (Viện Kinh tế -Viện KHXH Việt Nam) cho rằng, làm rõ bức chân dung phát triển con người ở từng địa phương, cũng như việc xếp hạng địa phương với những chỉ tiêu cụ thể và những bình luận xác đáng sẽ có tác động tích cực đến quá trình phát triển con người ở đó. Với việc GDP tăng hàng năm tương đối cao, nhưng thứ hạng về chỉ số phát triển con người trên thế giới của Việt Nam không thay đổi nhiều, có phải chúng ta đang tụt hậu? Đây cũng là ý kiến của nhiều đại biểu. Thứ hạng phát triển con người của một số tỉnh (6 tỉnh miền Bắc, 1 tỉnh miền Trung) cao, trong khi đây là những tỉnh nghèo. Ngược lại, một số tỉnh ở miền Nam thứ hạng phát triển con người thấp, nhưng đây lại là những tỉnh giàu... Báo cáo cần làm rõ vấn

đề này. Theo TS. Trịnh Kim Ngọc (Viện Nghiên cứu Con người - Viện KHXH Việt Nam) chỉ số báo cáo chưa bao quát, chưa đề cập đến khía cạnh nguồn nhân lực, định hướng giáo dục. Cũng giống như báo cáo trên, các đại biểu địa phương đều cho rằng báo cáo còn nặng tính lý luận, học thuật, thiếu những biện pháp cụ thể. Các đại biểu lưu ý, khi xây dựng báo cáo, khi phân tích, lý giải cần chú ý đến yếu tố vùng miền để đưa ra được những biện pháp, chính sách phù hợp, tạo môi trường xã hội để mỗi con người được phát triển tối đa năng lực bản thân, tạo cơ hội thụ hưởng bình đẳng giữa họ.

Hội thảo nhất trí rằng, các ý kiến đã thu nhận được sẽ giúp cả hai nhóm soạn thảo tiếp tục chỉnh sửa để trong thời gian tới cho ra mắt những bản báo cáo hoàn thiện.

VŨ HOÀ

Hội nghị Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng toàn quốc

Trong hai ngày 10, 11/5/2006, tại Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức *Hội nghị Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng (ĐH, CĐ) toàn quốc* nhằm đánh giá thực trạng giáo dục đại học (GDĐH) thời gian qua, khái quát những kết quả đã đạt được, phân tích những yếu kém, tồn tại, tìm ra nguyên nhân, dự báo tình hình, đồng thời đề ra những giải pháp và chương trình hành động cụ thể để triển khai Nghị quyết 14/2005/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020. Tham dự Hội nghị có Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cùng lãnh đạo các cơ quan ban ngành có liên quan, các chuyên gia và 350 hiệu trưởng các trường ĐH&CĐ trên toàn quốc. Ngoài ra còn có phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí trung ương và địa phương tới dự và đưa tin.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm đã nhấn mạnh ba vấn đề

lớn trong việc triển khai Nghị quyết 14/NQ-CP của Chính phủ (là nhìn nhận lại GDDH trong giai đoạn trước để rút ra bài học cho việc thực hiện ở giai đoạn mới; đánh giá tầm quan trọng của Nghị quyết 14/NQ-CP; và cách triển khai Nghị quyết). Ông cho rằng, việc đổi mới tư duy trong quản lý GDDH thời gian qua chưa tới, chưa mạnh mẽ, chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra cho GDDH chính là nguyên nhân của mọi nguyên nhân, và đề nghị các đại biểu thảo luận lựa chọn khâu đột phá trong đổi mới GDDH, mà theo ông đó là việc điều chỉnh cơ cấu trình độ, hệ thống nhà trường, chương trình và qui trình đào tạo.

Trình bày báo cáo về việc triển khai Nghị quyết 14/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 và những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trong giai đoạn 2006-2010, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT Bùi Tiến Long tập trung vào những vấn đề chính cần thảo luận tại Hội nghị như sau:

- *Về tổ chức quản lý* (xoá bỏ cơ chế Bộ chủ quản các trường ĐH, CĐ; phân cấp cho các trường, đặc biệt là phân cấp tài chính và giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với các trường khi thực hiện tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội cho các trường; chuyển đổi các trường bán công, dân lập sang tư thực; liên kết đào tạo với nước ngoài...; xây dựng trường ĐH đẳng cấp quốc tế...; mở rộng hệ thống các trường cao đẳng cộng đồng trong đào tạo nguồn nhân lực);

- *Về mạng lưới, qui mô, cơ cấu đầu tư* (điều kiện đảm bảo chất lượng của các trường ĐH, CĐ công lập và tư thực; chính sách đầu tư và chính sách huy động nguồn lực để giải quyết mâu thuẫn giữa qui mô và chất lượng; cơ cấu vùng miền, cơ cấu trình độ, ngành nghề...);

- *Về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế* (đổi mới giao nhận chỉ tiêu tuyển sinh; đổi mới qui trình đào tạo từ niên chế kết hợp học phần sang đào tạo theo tín chỉ; hiệu quả đầu tư cho công tác NCKH; phát triển đội ngũ giáo viên,

cán bộ quản lý ĐH; và các giải pháp để gắn kết giữa đào tạo với NCKH và doanh nghiệp...);

- *Vấn đề xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý.*

Các đại biểu tham dự Hội nghị đã thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến cho công tác đổi mới GDDH Việt Nam. Nổi bật và là tiếng nói tập trung nhất của đại diện các trường là xoay quanh vấn đề quyền tự chủ từ tài chính đến nhân sự, từ tuyển sinh đến xây dựng chương trình của các trường, các cơ sở đào tạo. Ý kiến chung nhất cho rằng để đổi mới giáo dục ĐH toàn diện phải đổi mới hệ thống, mà trước hết là đổi mới cơ chế quản lý. Nên “giải phóng” cho các trường. Nhà nước chỉ nên xây dựng kế hoạch chiến lược chứ không nên quá cụ thể, chi li, áp đặt. Tính tự chủ của các trường gắn liền với tự chịu trách nhiệm, tránh tình trạng chỉ làm công văn đề nghị cấp trên theo kiểu xin-cho, thiếu tinh thần chủ động sáng tạo. Nên giao chỉ tiêu tuyển sinh cho các trường và các cơ sở đào tạo. Bộ sẽ kiểm soát chỉ tiêu tuyển sinh của các trường dựa trên các tiêu chí qui định. Các trường sẽ tự điều chỉnh qui mô đào tạo, xây dựng kế hoạch phát triển ngành nghề dài hạn, xây dựng thương hiệu chất lượng đào tạo để bảo đảm uy tín của nhà trường...

Kết thúc Hội nghị một lộ trình cụ thể với những công việc cụ thể cho GDDH Việt Nam đã được xác định. Sau 2 ngày làm việc khẩn trương, sôi nổi, các hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng cho rằng GDDH của chúng ta đang đứng trước một khối công việc khổng lồ và rất nặng nề. Các đại biểu đã đóng góp rất nhiều ý kiến bổ ích và khả thi để thực hiện đổi mới GDDH Việt Nam theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và xã hội hoá, đặc biệt là tạo nên sự thống nhất ý chí và hành động cao, thúc đẩy nhanh hội nhập GDDH nước ta với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

HOÀNG MAI

Hội thảo: Gia nhập WTO-những thách thức quản lý

Ngày 28/6/2006, tại Hà Nội, Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý (VIM), tạp chí Nhà quản lý và Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội (MB) đã tổ chức Hội thảo *Gia nhập WTO - những thách thức quản lý*. Hội thảo được tổ chức nhằm mục đích giúp các doanh nghiệp Việt Nam nhận thức rõ hơn về những thách thức liên quan đến quản lý mà doanh nghiệp phải đối mặt khi Việt Nam gia nhập WTO.

Tham dự Hội thảo có các chuyên gia của Cục sở hữu trí tuệ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam và nhiều đại biểu đến từ các bộ, ngành cùng gần 100 doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Tại Hội thảo, các đại biểu cùng trao đổi, thảo luận tập trung vào các nội dung như những thách thức liên quan đến các khía cạnh khác nhau trong vấn đề quản lý và quản trị doanh nghiệp; những rào cản pháp lý, vấn đề sở hữu trí tuệ, chống bán phá giá; những vướng mắc xung quanh Việt Nam gia nhập WTO; những tác động đến doanh nghiệp, quan hệ giữa doanh nghiệp và hệ thống ngân hàng... mà các doanh nghiệp trong nước sẽ gặp phải khi Việt Nam gia nhập WTO.

Phát biểu tại Hội thảo, ông Scott Cheshier, Ban Kinh tế quốc gia thuộc UNDP Việt Nam cho rằng: Chống bán phá giá là một trong những vấn đề chính sách mà các nhà xuất khẩu trong nước hiện đang phải đối mặt và điều này sẽ còn tiếp tục diễn ra sau khi Việt Nam thành công trong việc gia nhập WTO. Vấn đề cốt lõi là Việt Nam phải xem xét để trả lời được câu hỏi *liệu giá xuất khẩu có thấp hơn giá nội địa hay không?* Các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp và Chính phủ có thể hợp tác với nhau trong tranh luận và đàm phán những vấn đề chi tiết của các vụ kiện nhằm làm giảm mức thuế. Vụ kiện chống bán phá giá tôm với Hoa Kỳ là một ví dụ điển hình để Việt Nam có thể đạt được điều này. Ông cho rằng, để tránh các vụ kiện chống bán

phá giá, các doanh nghiệp Việt Nam cần nâng cao những cơ hội để đáp ứng các điều kiện áp dụng những phương pháp khác dành cho từng doanh nghiệp cụ thể, và để đạt được điều này, doanh nghiệp cần phải cải thiện các phương pháp và chuẩn mực kế toán.

Các đại biểu cũng lưu ý, Việt Nam có gần 70% dân số sống nhờ nông nghiệp, 69% lực lượng lao động hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Vì vậy, khi gia nhập WTO nông nghiệp Việt Nam sẽ có được nhiều thuận lợi hơn, như: đầu tư nước ngoài sẽ gia tăng trong lĩnh vực nông nghiệp, tận dụng được công nghệ mới, tiên tiến nhằm thúc đẩy ngành chế biến nông sản, nhờ đó giúp mở mang những vùng đất hoang hóa, sản xuất những sản phẩm nông nghiệp độc đáo; lao động nông nghiệp có thêm công ăn việc làm, người tiêu dùng sẽ mua được những sản phẩm nông nghiệp vừa rẻ vừa tốt hơn; nông dân nghèo canh tác ở các vùng khó khăn sẽ có cơ may phát triển nhờ có những giống mới do các công ty quốc tế áp dụng công nghệ sinh học tạo ra; những lợi ích tiềm năng như mở rộng thị trường cho những mặt hàng xuất khẩu truyền thống như nông nghiệp và thủy sản, đồng thời có cơ hội tiếp cận cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO - điều giúp Việt Nam tránh được những vụ kiện vô lý như cá tra cá ba sa giữa Việt Nam và Mỹ; kinh tế nông nghiệp phát triển sẽ trở thành động lực chính thúc đẩy công cuộc xóa đói giảm nghèo...

Tuy nhiên các đại biểu cũng chỉ rõ, mặc dù ngành nông nghiệp có thêm nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng sẽ phải đối đầu với nhiều khó khăn, thách thức ảnh hưởng không ít đến đời sống nông dân, như: mặc dù nông nghiệp Việt Nam đứng thứ nhì thế giới về xuất khẩu gạo, cà phê, hồ tiêu, điều nhân... nhưng chỉ mới là xuất thô, hàm lượng chất xám trong nông sản xuất khẩu chưa nhiều, giá thành cao, sản xuất manh mún là yếu tố khiến ngành nông nghiệp không thể đáp ứng những đơn đặt hàng với số lượng lớn; giá bán các giống cây, con mới

nhập vào Việt Nam lại đắt, bà con lại không thể tùy tiện nhân giống vì vấn đề bản quyền là những trở ngại lớn của ngành nông nghiệp; nhiều mặt hàng nông sản của ta hiện nay giá cao hơn nước ngoài, chất lượng không bảo đảm...

Các đại biểu nhất trí với nhận định rằng, tiến trình hội nhập không chỉ diễn ra ngày một ngày hai, mà là cả một quãng thời gian dài đòi hỏi chúng ta phải tập trung mọi nguồn lực để cạnh tranh và phát triển. Các cơ quan bộ, ngành... và các doanh nghiệp cần luôn nhau sát cánh để cùng giải quyết những khó khăn đặt ra trong tiến trình hội nhập, cùng đưa ra những giải pháp để xử lý những vướng mắc trong khuôn khổ pháp lý và tận dụng những cơ hội do thời cơ đem lại để cùng phát triển; có được các giải pháp thực tiễn nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác động của thách thức này, nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý và quản trị doanh nghiệp.

Hội thảo còn đưa ra những giải pháp thực tiễn giúp doanh nghiệp hạn chế đến mức thấp nhất tác động của các thách thức này, nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp. Các chuyên gia trong nước và nước ngoài cũng giải đáp một số vướng mắc xung quanh việc Việt Nam gia nhập WTO và những tác động đến doanh nghiệp, về quan hệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng...

PV.

Giới thiệu tạp chí khoa học xã hội tiếng Anh mới nhập về Viện Thông tin KHXH (tiếp theo kỳ trước)

6. *American Quarterly*

Tạp trung nghiên cứu các vấn đề về văn hoá Mỹ cũng như các quan niệm Mỹ về văn hoá và tư tưởng, lối sống Mỹ so với thế giới. Tạp chí do nhà xuất bản University Press xuất bản. Website: http://www.press.jhu.edu/journals/american_quarterly/index.html

7. *Anthropological Theory*

Tạp chí ra 4 số 1 năm, dành cho các nghiên cứu về lý luận nhân chủng học. Tạp chí do nhà xuất bản Sage Publications xuất bản. Website: <http://ant.sagepub.com/>.

8. *Asian Economic Journal*

Tạp chí tập trung vào những vấn đề nghiên cứu mới về kinh tế Đông Á, những phát hiện cũng như các nghiên cứu hiện hành của các nước này so với các nước khác trên thế giới. Bên cạnh đó là những diễn đàn liên quan đến các vấn đề lý luận, thực tiễn và công tác nghiên cứu. Thực tế từ "châu Á" trong tạp chí này chỉ bao gồm các nước: Brunei, Campuchia, Trung Quốc, Đông Timor, Indonesia, Hong Kong, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Macao, Malaysia, Mông Cổ, Myanmar, Papua New Guinea, Philippines, Singapore, Đài Loan, Thailand và Việt Nam. Viện Thông tin Khoa học xã hội có thể truy cập toàn văn đến các bài viết của tạp chí từ năm 1997. Tạp chí do nhà xuất bản Blackwell Publishers xuất bản. Website: <http://www.blackwell-synergy.com/loi/asej>.

9. *Asian Studies Review*

Các nghiên cứu về văn hoá, nghệ thuật, y tế và môi trường cũng như các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội học, lịch sử, ngôn ngữ, văn học, triết học và tôn giáo và các bài giới thiệu sách. Tạp chí do nhà xuất bản Taylor & Francis xuất bản. Website: <http://www.tandf.co.uk/journals/titles/10357823.asp>.

10. *Bulletin Middle East Studies Association*

Giới thiệu các nghiên cứu của tổ chức nghiên cứu quốc tế về vùng Trung Đông về mọi lĩnh vực. Tạp chí ra 2 số 1 năm. Tạp chí do Middle East Studies association xuất bản. Website: <http://fp.arizona.edu/mesassoc/Bulletin/welcome.htm>.